

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 33n/QĐ/ĐHVL ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Hiệu trưởng trường Đại học Văn Lang)

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN THIẾT KẾ THỜI TRANG

Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC

Ngành đào tạo: THIẾT KẾ THỜI TRANG Mã số: 52210404

Loại hình đào tạo: Chính quy

1. Mục tiêu đào tạo

1.1 Mục tiêu chung:

Đào tạo Cử nhân Thiết kế Thời trang (Fashion Design) phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ; có kiến thức rộng và chuyên sâu; có kiến thức lý luận cơ sở vững chắc, có kỹ năng cơ bản, tố chất cơ bản về thiết kế Thời Trang; có phẩm chất đạo đức, nhận thức rõ ràng trách nhiệm công dân, tuân thủ pháp luật, yêu Tổ Quốc, có năng lực, sức khoẻ tham gia bảo vệ và xây dựng Tổ Quốc, đóng góp trí tuệ của mình trong công cuộc xây dựng đất nước; Đào tạo những chuyên gia có khả năng thiết kế các công trình nội thất, biết quản lý, nghiên cứu khoa học, lấy sáng tạo trong thiết kế làm trọng điểm hoặc đảm nhiệm công tác giảng dạy

1.2 Mục tiêu cụ thể:

- **Về kiến thức:** Đào tạo ra những người có kỹ năng thể hiện tốt, có khả năng sáng tạo trong lĩnh vực thiết kế sản phẩm, đáp ứng nhu cầu xã hội; Có trình độ nhận thức về thẩm mỹ, văn hoá, nhận thức về thị trường và có khả năng tiếp nhận về khoa học kỹ thuật mới; Nắm vững kiến thức chuyên môn về Mỹ thuật công nghiệp, có kiến thức thực tế về ngành nghề, có phương pháp tư duy khoa học, độc lập trong suy nghĩ đồng thời biết vận dụng sáng tạo thành quả của tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin, ứng dụng vào lĩnh vực sáng tác thiết kế, tạo ra những sản phẩm về Thời trang đẹp, đáp ứng vào thực tế đời sống, góp phần thúc đẩy xã hội phát triển.

- **Về kỹ năng, thái độ và đạo đức nghề nghiệp:** Sinh viên chủ yếu học các kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành về thiết kế Thời trang; có thể áp dụng các nguyên lý và quy tắc thiết kế tạo hình để xử lý các quan hệ về con người đối với các chất liệu khi TH Trang phục, xử lý màu sắc với những vật dụng được thiết kế, giữa phần cơ thể và tạo hình nhân vật, giữa kết cấu và

vật liệu, ngoại hình và công nghệ của sản phẩm; hình thành năng lực tổng hợp về phương diện thiết kế. Cụ thể:

- Về năng lực tư duy: có ý thức cầu tiến và tư duy sáng tạo, có thể thường xuyên phát hiện vấn đề và đề xuất vấn đề.
- Về năng lực sáng tạo: vận dụng phương pháp, phương tiện khoa học những công nghệ mới, thường xuyên sáng tạo, thiết kế phù hợp với yêu cầu của mọi người.
- Về năng lực thẩm mỹ: có kiến thức mỹ học và trình độ thẩm mỹ cao do năng khiếu (tố chất), có năng lực đánh giá, vận dụng các nguyên lý và quy luật của mỹ học để chỉ đạo các hoạt động thiết kế thực tế.
- Về năng lực biểu đạt: vận dụng thành thạo ngôn ngữ thiết kế (hình tượng, ký hiệu...) và những phương tiện thiết kế hiện đại (máy tính, vật liệu, công nghệ, kỹ thuật...) để diễn đạt ý đồ thiết kế sản phẩm.
- Xử lý các quan hệ với con người, với hoàn cảnh, với thị trường; Yêu nghề, có ý thức phấn đấu, tự tu dưỡng về mọi mặt để vươn tới trình độ cao trong ngành thiết kế, sẵn sàng phục vụ xã hội

- Về **khả năng công tác**: Sau khi tốt nghiệp, sinh viên ra trường có khả năng tiếp cận nhanh với thực tiễn, thích nghi với nền kinh tế của nước ta và có đủ khả năng vươn lên trong nhiều lĩnh vực trong nước cũng như ngoài nước, phát huy được truyền thống của dân tộc. Cụ thể:

+ Làm chuyên viên thiết kế tại các cơ quan có chức năng thiết kế từ các tổ chức tư nhân đến nhà nước, kết hợp doanh nghiệp đáp ứng theo nhu cầu xã hội

+ Làm việc cho các doanh nghiệp có chức năng thiết kế, các đơn vị tổ chức sự kiện có liên quan tới trình diễn các bộ sưu tập, trưng bày trang phục và những vật dụng liên quan....

+ Làm giảng viên Mỹ thuật tại các trường đại học và cao đẳng trong nước, được phép bình đẳng với tất cả các trường trong nước khi tham gia học cao học, tiến sỹ cũng như quyền lợi đi học ở nước ngoài.

- Trình độ Ngoại ngữ: Trình độ tiếng Anh khi tốt nghiệp: tương đương 300 điểm TOEIC trở lên

- Trình độ Tin học: đạt chuẩn Kỹ năng sử dụng thông tin cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông đồng thời có thể sử dụng thành thạo các phần mềm máy tính chuyên sâu của ngành để diễn đạt được ý tưởng thiết kế.

2. Thời gian đào tạo: **4 năm**

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

128 tín chỉ không tính các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng. Được phân bổ như sau:

KHỐI KIẾN THỨC	Kiến thức bắt buộc	Kiến thức tự chọn	Tổng
Giáo dục đại cương	41	0	41
Giáo dục chuyên nghiệp:			
- Kiến thức cơ sở	40		79
- Kiến thức chuyên ngành	38	1	
Thực tập tốt nghiệp và Tốt nghiệp			
- Đồ án tốt nghiệp	8		8
TỔNG	127	1	128

4. Đối tượng tuyển sinh

Các đối tượng đã tốt nghiệp Phổ Thông Trung Học hoặc tương đương trúng tuyển kỳ thi đại học hằng năm, tuyển sinh theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo. Đối với người nước ngoài (theo quy định của Bộ VHTT và Bộ GDĐT).

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Quy trình đào tạo:

- Chương trình đào tạo Mỹ thuật CN chuyên ngành Thời trang (Fashion Design), hệ chính quy 4 năm được phân bố các môn học chung cho cả 7 học kỳ chính, 3 học kỳ hè, 1 học kỳ làm Đồ Án Tốt Nghiệp và bài thuyết trình, chương trình được hệ thống chia làm 8 học kỳ:

- Thời gian đầu sinh viên cập nhật các kiến thức tối thiểu cho ngành nghề, từ các môn Đại Cương tới các môn Đại Cương ngành, từ học kỳ 2 sinh viên bắt đầu chính thức vào ngành, thời gian đầu sinh viên cập nhật các môn thuộc cơ sở ngành, học kỳ 3 sinh viên đi sâu vào lĩnh vực chuyên môn, học kỳ 8 sinh viên sẽ làm bài Đồ Án Tốt Nghiệp và bài thuyết trình.

- Khoá học 4 năm chia theo năm học, học kỳ, mỗi năm có 2 học kỳ chính và 1 học kỳ hè, mỗi một học kỳ có 15 tuần thực học, 4 tuần thi. Học kỳ cuối của khoá học có 16 tuần làm Đồ án Tốt Nghiệp và bảo vệ Tốt Nghiệp.

Điều kiện tốt nghiệp:

- Sinh viên đạt các yêu cầu theo Quy chế về tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp Đại Học và Cao Đẳng hệ chính quy, ban hành theo Quyết định số 25/2006/QĐ-BGD&ĐT, ngày 26 tháng 06 năm 2006 của Bộ Trưởng bộ GD&ĐT.
- Có các chứng chỉ GDQP và đầy đủ kiến thức được đánh giá số TC theo quy định.
- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

6. Thang điểm: 10

7. Nội dung chương trình (tên và khối lượng các học phần):

7.1 Kiến thức giáo dục đại cương: 41 TC

7.1.1 Lý luận chính trị

STT	MÔN HỌC	SỐ TC
1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ Nghĩa Mác-Lê Nin	5
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
3	Đường lối cách mạng Đảng Cộng Sản Việt Nam	3
	Tổng	10

7.1.2 Khoa học xã hội:

- Bắt buộc:

STT	MÔN HỌC	SỐ TC
4	Pháp luật đại cương	2
5	Chuyên đề pháp luật chuyên ngành	1
6	Phương Pháp Sáng Tạo	2
	Tổng	5

7.1.3 Nhân văn-Nghệ thuật:

- Bắt buộc

STT	MÔN HỌC	SỐ TC
7	Cơ Sở Văn Hóa Việt Nam	2
8	Nghệ Thuật Học	2
9	Lịch Sử Mỹ Thuật	3
10	Nguyên cứu Lịch sử Thời trang	2
	Tổng	9

7.1.4 Ngoại ngữ

STT	MÔN HỌC	SỐ TC
11	Tiếng Anh	12
	Tổng	12

7.1.5 Toán-Tin học-Khoa học tự nhiên-Công nghệ-Môi trường

- Bắt buộc

STT	MÔN HỌC	SỐ TC
12	Tin Học Căn Bản	2
13	Tin học ứng dụng (I) – Photoshop	2

14	T.Học Ứ.Dụng II (Illustrator)	1
	Tổng	5

7.1.6 Giáo dục thể chất: 90 tiết

7.1.7 Giáo dục Quốc Phòng- an ninh: 165 tiết

7.2 Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

7.2.1 Kiến thức cơ sở: 40 TC

STT	MÔN HỌC	SỐ TC
1	Giải Phẫu Học	1
2	Cơ Sở Tạo Hình Mỹ Thuật	2
3	Trang Trí Cơ Bản	4
4	Ergonomics (Nhân trắc học)	2
5	Kỹ Thuật cắt may CB I	4
6	Trang Trí Cơ Sở ngành Thời Trang	3
7	Cơ Sở Thiết Kế Thời Trang	2
8	Kỹ Thuật cắt may II (Trang Phục Nữ)	4
9	Trang Trí trên Trang Phục	2
10	Kỹ Thuật Cắt May III (Trang Phục Nam)	4
11	Hình Họa (I)- Hình Khối, Tĩnh Vật	3
12	Hình Họa (II) - Vẽ mẫu Tượng – Người (Chì)	3
13	Hình Họa (III) - Vẽ mẫu Tượng – Người (Chì)	3
14	Hình Họa (IV) - Vẽ chuyên ngành <i>Tự chọn chất liệu</i> 1. Bút Sắt 2. Màu Nước - Mực Nho 3. Acrylic 4. Maker 5. Than 6. Phấn Màu - Chì Màu 7. Bột Màu-Goache 8. Sơn Dầu	3
	Tổng	40

7.2.2 Kiến thức ngành: 38 TC

STT	MÔN HỌC	SỐ TC
1	Vật Liệu - Nguyên Phụ Liệu Ngành May	2
2	Thiết Kế Trang Phục Trẻ Em	2
3	TK Trang Phục dạo phố	2
4	Nghiên Cứu Trang Phục Truyền Thống	3
5	Thiết Kế Rập CN	2
6	Tin Học Ứng Dụng II (Lextra-Nhảy sai)	2
7	Thiết Kế Trang Phục Thể Thao	2
8	Thiết Kế Trang phục Công Sở	2
9	Marketing: Kinh Doanh Thời Trang	2
10	Nhiếp Ảnh	2
11	Thiết Kế Đồ Họa ngành Thời Trang	2
12	Nghệ Thuật Trang Điểm	2
13	Thiết Kế Phụ Trang (Nón,Túi,Dây,Vòng)	2
14	Thiết Kế Trang Phục dự Lễ	2
15	Thiết Kế trên Manecanh (TK rập 3d)	3
16	TK. Tr. Phục Nghệ Thuật (Trình Diễn)	2
17	Nghiên Cứu Chuyên đề (Tốt Nghiệp)	1
18	Đồ Án Tiên Tốt Nghiệp	3
	Tổng	38

7.2.4 Kiến thức bổ trợ tự do:

STT	MÔN HỌC	SỐ TC
1	1 Chuyên Đề trong 4 năm (Tự chọn) <ul style="list-style-type: none"> - <i>Kỹ năng giao tiếp</i> - <i>Kỹ năng lập hồ sơ xin việc-phỏng vấn</i> - <i>Thương thức Mỹ Thuật</i> - <i>Diễn Đàn Doanh Nghiệp</i> - <i>Các diễn đàn về Văn Hóa-Nghệ Thuật</i> - <i>Các diễn đàn về Kinh Tế</i> - <i>Các diễn đàn về Nghệ Thuật</i> - <i>Tham gia dự thi các cuộc thi trong XH</i> 	1

Tổng	1
-------------	----------

7.2.5 Thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận (hoặc thi tốt nghiệp)

STT	MÔN HỌC	SỐ TC
1	Đồ án tốt nghiệp	8
2	Thi Tốt nghiệp chính trị	
	Tổng	8

8. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

HỌC KỲ 1

TT	Tên môn học	TC	Số giờ		Số giờ đồ án
			LT	TH	
1	Những nguyên lý cơ bản CNML 1	2	30		
2	Tiếng Anh 1	3	45		
3	Tin học căn bản	3	15	45	
4	Tin học ứng dụng (Photoshop)	2	15	30	
5	Giải phẫu học	1	15	15	
6	Cơ sở tạo hình mỹ thuật	2	15	30	
7	Trang trí cơ bản	4	30	60	
8	Hình họa 1	3	30	45	
	Tổng	20			

HỌC KỲ 2

TT	Tên môn học	TC	Số giờ		Số giờ đồ án
			LT	TH	
1	Những nguyên lý cơ bản CNML 2	3	45		
2	Tiếng Anh 2	3	45		
3	Phương pháp sáng tạo	2	15	30	
4	Ergonomics (Nhân trắc học)	2	15	30	
5	Kỹ Thuật cắt may CB I	4	30	60	
6	Trang Trí Cơ Sở ngành Thời Trang	3	30		45
7	Hình họa 2	3	30	45	
	Tổng	19			

HỌC KỲ HÈ 1 (Từ cuối tháng 6 đến đầu tháng 8)

TT	Tên môn học	TC	Số giờ		Số giờ đồ án
			LT	TH	
1	Giáo Dục Q. Phòng (HK Hè) (Từ 1/7 đến 21/7)				
2	T.Học Ứ.Dụng II (Illustrator) (Thời gian từ 1/7 đến 12/7. Điểm được tính vào HK3)	1		30	30 giờ
	Tổng	3			

HỌC KỲ 3

TT	Tên môn học	TC	Số giờ		Số giờ đồ án
			LT	TH	
1	Tiếng Anh 3	3	45		
2	Cơ Sở Văn Hóa Việt Nam	2	30		
3	Cơ Sở Thiết Kế Thời Trang	2	15	30	
4	Nghiên Cứu L.Sử phát triển Thời Trang	2	30		
5	Vật Liệu - Nguyên Phụ Liệu Ngành May	2	15	30	
6	Kỹ Thuật cắt may II (Trang Phục Nữ)	4	30	60	
7	Trang Trí trên Trang Phục	2	15		30
8	Hình Họa (III) - Vẽ Người	3	30	45	
	Tổng	20			

HỌC KỲ 4

TT	Tên môn học	TC	Số giờ		Số giờ đồ án
			LT	TH	
1	Tư Tưởng Hồ Chí Minh	2	30		
2	Tiếng Anh 4	3	45		
3	Lịch Sử Mỹ Thuật	3	45	15	
4	Kỹ Thuật Cắt May III (Trang Phục Nam)	4	30	60	
5	Thiết Kế Trang Phục Trẻ Em	2	15		30
6	TK Trang Phục dạo phố	2	15		30
7	Hình Họa (IV) - Vẽ chuyên ngành Thời trang	3	30	45	
	Tổng	19			

HỌC KỲ HÈ 2

TT	Tên môn học	TC	Số giờ		Số giờ đồ án
			LT	TH	
1	Nghiên Cứu Trang Phục Truyền Thống	3	30	30	
	Tổng	3			

HỌC KỲ 5

TT	Tên môn học	TC	Số giờ		Số giờ đồ án
			LT	TH	
1	Nghệ Thuật Học	2	30		
2	Thiết Kế Rập CN (Môn học này học trước môn Lextra)	2	15	45	
3	Tin Học Ứng Dụng II (Lextra-Nhảy sai)	2	15	30	
4	Thiết Kế Trang Phục Thể Thao	2	15	30	30
5	Thiết Kế Trang phục Công Sở	2	15	30	30
6	Marketing: Kinh Doanh Thời Trang	2	30	15	
	Tổng	12			

HỌC KỲ 6

TT	Tên môn học	TC	Số giờ		Số giờ đồ án
			LT	TH	
1	Pháp Luật ĐC	2	30		
2	Pháp Luật chuyên ngành (Luật Bản quyền)	1	15		
3	Thiết Kế Đồ Họa ngành Thời Trang	2	15		30
4	Nghệ Thuật Trang Điểm	2	15		30
5	Thiết Kế Phụ Trang (Nón, Túi, Dây, Vòng)	2	15		30
6	Thiết Kế Trang Phục dự Lễ	2	15		30
7	Thiết Kế trên Maner canh (TK rập 3d)	3	30		30
	Tổng	16			

HỌC KỲ HÈ 3

TT	Tên môn học	TC	Số giờ		Số giờ đồ án
			LT	TH	
1	TK. Tr. Phục Nghệ Thuật (Trình Diễn) Điểm được tính vào HK7	2	15		30

--	--	--	--	--	--

HỌC KỲ 7

TT	Tên môn học	TC	Số giờ LT	Số giờ TH	Số giờ đồ án
1	Đường lối CM Đảng CS Việt Nam	3	1		
	Nghiên Cứu Chuyên Đề (Bắt Buộc)	1	15	15	
2	Cụm Đồ Án Tiên Tốt Nghiệp	3	30		45
4		6			

HỌC KỲ 8

TT	Tên môn học	TC	Số giờ LT	Số giờ TH	Số giờ đồ án
1	ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP (16 tuần)	8			

TT	Tên môn học	TC	Số giờ LT	Số giờ TH	Số giờ đồ án
1	Chuyên đề tự chọn (trong 4 năm) <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng giao tiếp - Kỹ năng lập hồ sơ xin việc-phỏng vấn - Thương thức Mỹ Thuật - Diễn Đàn Doanh Nghiệp - Các diễn đàn về Văn Hóa-Nghệ Thuật - Các diễn đàn về Kinh Tế - Các diễn đàn về Nghệ Thuật - Tham gia dự thi các cuộc thi trong XH 	1	15		
		1			